ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 1656 /QĐ-UBND	*Hưng Yên, ngày 31 tháng 10 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định về xác định Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Chương trình hành động số 01-CTr/TU ngày 20/10/2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Hưng Yên lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 402/TTr-SNV ngày 10/10/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xác định Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 808/QĐ-UBND ngày 04/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về xác định Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo và Phát thanh, Truyền hình Hưng Yên;
- Trung tâm Thông tin - Hội nghị tỉnh;
- Phòng, đơn vị: TH, HC-QT, PVHCC;
- Lưu: VT, CVNC[Thủy].

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Phạm Văn Nghiêm

QUY ĐỊNH
Về xác định Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định nội dung, tiêu chí, thẩm quyền, thời gian và trình tự đánh giá các nội dung về thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Công an tỉnh; Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh; Ban Quản lý Khu Đại học Phố Hiến (sau đây gọi chung là các cơ quan cấp tỉnh).

2. Ủy ban nhân dân xã, phường (sau đây gọi chung là Ủy ban nhân dân cấp xã).

Điều 3. Mục đích, yêu cầu

1. Mục đích

a) Xác định Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (sau đây gọi tắt là Chỉ số PAPI) của các cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm đánh giá khách quan kết quả thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công để theo dõi, đánh giá một cách thực chất và công bằng kết quả thực hiện các chỉ tiêu, lĩnh vực theo chức năng, nhiệm vụ được phân công.

b) Xây dựng Bộ chỉ số đánh giá kết quả thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi, phát hiện và chỉ đạo khắc phục kịp thời những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ; xác định rõ những lĩnh vực, nội dung thực hiện tốt hoặc chưa tốt, từ đó tìm ra giải pháp và cách thức điều hành kinh tế - xã hội và quản lý hành chính trên địa bàn tỉnh bảo đảm hiệu lực, hiệu quả.

c) Nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức về công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của cơ quan, đơn vị mình.

d) Thông qua xác định chỉ số PAPI, đánh giá kết quả công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công giúp các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã chủ động xây dựng mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm của cơ quan cho phù hợp với

tình hình chung của cả nước, của tỉnh; chủ động đánh giá được kết quả thực hiện của cơ quan mình, từ đó có giải pháp khắc phục được những hạn chế, đồng thời biết được kết quả thực hiện của các cơ quan khác để so sánh, học tập.

2. Yêu cầu

a) Đánh giá thực chất, khách quan kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công hàng năm của các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Bảo đảm tính khả thi, phù hợp với đặc điểm, điều kiện thực tế của các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn tỉnh; không đưa vào đánh giá những tiêu chí mang tính đặc thù hoặc các tiêu chí tạo ra sự phân biệt lớn giữa các địa phương.

c) Tăng cường sự tham gia của người dân đối với việc đánh giá kết quả thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

d) Hình thành được hệ thống theo dõi, đánh giá đồng bộ, thống nhất từ cấp tỉnh tới cơ sở.

Chương II
NỘI DUNG, CÁCH TÍNH ĐIỂM CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG

Điều 4: Bộ Chỉ số đánh giá

Việc xác định Chỉ số PAPI được thực hiện theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần với các điểm số cụ thể của từng cấp kèm theo Quyết định này gồm:

1. Bộ Chỉ số PAPI của các cơ quan cấp tỉnh *(Phụ lục I đính kèm)*.

2. Bộ Chỉ số PAPI của Ủy ban nhân dân cấp xã *(Phụ lục II đính kèm)*.

Điều 5. Nội dung đánh giá

1. Nội dung đánh giá các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã bao gồm 03 phần chính:

a) Đánh giá kết quả thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công gồm 09 nội dung:

- Công tác chỉ đạo, điều hành;

- Tham gia của người dân ở cấp cơ sở;

- Công khai minh bạch;

- Trách nhiệm giải trình với người dân;

- Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công;

- Thủ tục hành chính công;

- Cung ứng dịch vụ công;

- Quản trị môi trường;

- Quản trị điện tử.

b) Ý kiến phản ảnh của cơ quan truyền thông Trung ương, địa phương đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

c) Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công thông qua điều tra xã hội học.

2. Nội dung đánh giá các cơ quan cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai thực hiện các nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của tỉnh gồm:

a) Các nội dung được quy định tại khoản 1 Điều này.

b) Các nội dung theo ngành, lĩnh vực tham mưu phụ trách.

Điều 6. Thang điểm đánh giá

1. Thang điểm đánh giá chung đối với các cơ quan cấp tỉnh là 76 điểm (tương ứng với 100%). Mức điểm được xác định cụ thể với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần tại mục A, mục C, mục D, Phụ lục I kèm theo Quyết định này.

Đối với các cơ quan cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai thực hiện các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số PAPI, thang điểm là điểm đánh giá chung đối với các cơ quan cấp tỉnh (tối đa 76 điểm) và điểm đánh giá thực hiện các nội dung theo ngành, lĩnh vực được giao triển khai thực hiện tại mục B, Phụ lục I kèm theo Quyết định này (tương ứng với 100%).

2. Thang điểm đánh giá chung đối với Ủy ban nhân dân cấp xã là 100 điểm (tương ứng với 100%). Mức điểm được xác định cụ thể với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần theo Phụ lục II kèm theo Quyết định này.

Điều 7. Phương pháp đánh giá

1. Tự đánh giá

Các cơ quan, đơn vị tự theo dõi, đánh giá và cho điểm kết quả thực hiện các nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của cơ quan, đơn vị theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong bảng Chỉ số tương ứng theo hướng dẫn của Sở Nội vụ. Điểm tự đánh giá được thể hiện tại cột "Điểm tự đánh giá".

2. Thẩm định kết quả tự đánh giá

Điểm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị được Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thẩm định và được thể hiện tại cột "Điểm thẩm định".

3. Đánh giá thông qua điều tra xã hội học

a) Việc điều tra xã hội học được tiến hành lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với công tác quản trị và hành chính công thuộc địa bàn của Ủy ban nhân dân cấp xã được đánh giá. Đối với các cơ quan cấp tỉnh kết quả đánh giá được tính theo từng lĩnh vực triển khai thực hiện.

b) Bộ câu hỏi điều tra xã hội học do Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng với số lượng, nội dung câu hỏi tương ứng.

4. Đánh giá ý kiến phản ánh của các cơ quan truyền thông

Sở Nội vụ tổng hợp ý kiến phản ánh, kiến nghị từ các cơ quan truyền thông để thực hiện đánh giá đối với các cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Tính toán, xác định Chỉ số PAPI

a) Tổng điểm của cơ quan, đơn vị đạt được = Tổng điểm thẩm định của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần + Điểm điều tra xã hội học (nếu có).

b) Chỉ số PAPI được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa tổng điểm đạt được và tổng điểm tối đa.

c) Chỉ số thành phần theo lĩnh vực, tiêu chí được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa điểm đạt được và điểm tối đa của từng lĩnh vực, tiêu chí.

Chương III
QUY TRÌNH XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ PAPI VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN

Điều 8. Quy trình đánh giá xác định Chỉ số PAPI

1. Các cơ quan, đơn vị tự đánh giá và chấm điểm kết quả thực hiện chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công theo Bộ Chỉ số PAPI

a) Hàng năm, các cơ quan, đơn vị căn cứ kết quả thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tại cơ quan, đơn vị mình để tự đánh giá, chấm điểm theo từng tiêu chí, tiêu chí thành phần của Bộ Chỉ số PAPI.

Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng hoặc tài liệu kiểm chứng chưa thể hiện hết nội dung tự đánh giá, chấm điểm, thì đơn vị phải có giải thích cụ thể về cách đánh giá, tính điểm. Trường hợp tài liệu kiểm chứng có độ "Mật", yêu cầu gửi bản giấy trực tiếp cho đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định tiêu chí, tiêu chí thành phần.

Báo cáo tự đánh giá, chấm điểm xác định Chỉ số PAPI phải thể hiện đầy đủ số điểm thực tế của từng tiêu chí, tiêu chí thành phần, tổng số điểm đạt được; đồng thời cung cấp đầy đủ các tài liệu kiểm chứng chứng minh cho các kết quả đạt được theo đúng yêu cầu.

b) Các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã: Xây dựng báo cáo tự đánh giá, chấm điểm và gửi kết quả về Sở Nội vụ theo đúng quy định.

2. Thẩm định kết quả tự đánh giá

a) Thành lập Tổ thẩm định

Tổ thẩm định kết quả tự đánh giá của các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã do Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan cấp tỉnh thành lập gồm: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Sở Tư pháp; Sở Tài chính; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Y tế; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Xây

dựng; Thanh tra tỉnh; Bảo hiểm xã hội tỉnh; Công an tỉnh và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh.

b) Căn cứ để thẩm định gồm:

- Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan, đơn vị;

- Hồ sơ, tài liệu để kiểm chứng cho các tiêu chí, tiêu chí thành phần được quy định trong Bộ chỉ số PAPI;

- Thông tin, số liệu có liên quan do cơ quan thẩm định quản lý hoặc thu thập.

3. Thực hiện điều tra xã hội học

a) Sở Nội vụ chủ trì thực hiện điều tra xã hội học để đánh giá việc thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã.

b) Việc điều tra xã hội học được tiến hành để lấy ý kiến đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công tại các cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã (số lượng, đối tượng điều tra được chọn theo hướng dẫn của Sở Nội vụ).

c) Tổng hợp điểm đánh giá qua điều tra xã hội học được xác định = Tổng điểm của các phương án trả lời thuộc ngành, lĩnh vực chịu tác động.

4. Lấy ý kiến phản ánh của các cơ quan truyền thông

Các cơ quan truyền thông căn cứ vào đề nghị của Sở Nội vụ cung cấp tài liệu kiểm chứng liên quan đến các nội dung phản ánh, kiến nghị về công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công theo ngành, lĩnh vực phụ trách.

5. Tổng hợp kết quả xác định chỉ số PAPI

Sở Nội vụ chủ trì, tổng hợp kết quả thẩm định xác định Chỉ số PAPI của các cơ quan cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp xã hàng năm.

6. Xếp hạng kết quả Chỉ số PAPI hàng năm

Việc xếp hạng kết quả thực hiện công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh được tính trên cơ sở tổng điểm của các tiêu chí (bao gồm cả các tiêu chí đánh giá theo kết quả điều tra phiếu khảo sát), cụ thể như sau:

a) Nhóm đạt điểm Xuất sắc: Đạt tỷ lệ điểm từ 90% trở lên của tổng điểm tối đa được đánh giá và không thấp hơn so với tỷ lệ điểm của đơn vị ở năm trước liền kề năm đánh giá, đồng thời không có nội dung đánh giá nào được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 Quy định này đạt dưới mức điểm 70%.

b) Nhóm đạt điểm Tốt: Đạt tỷ lệ điểm từ 80% đến dưới 90% của tổng điểm tối đa được đánh giá và không có nội dung đánh giá nào được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 Quy định này đạt dưới mức điểm 70%; hoặc đạt tỷ lệ điểm từ 90% trở lên của tổng điểm tối đa được đánh giá nhưng vẫn thấp hơn so với tỷ lệ điểm của đơn vị ở năm trước liền kề năm đánh giá; hoặc đạt tỷ lệ điểm từ 90% trở lên

của tổng điểm tối đa được đánh giá nhưng có nội dung đánh giá được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 Quy định này đạt dưới mức điểm 70%.

c) Nhóm đạt điểm Khá: Đạt tỷ lệ điểm từ 70% đến dưới 80% của tổng điểm tối đa được đánh giá hoặc đạt tỷ lệ điểm từ 80% đến dưới 90% của tổng điểm tối đa được đánh giá nhưng có nội dung đánh giá được quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 5 Quy định này đạt dưới mức điểm 70%.

d) Nhóm đạt điểm Trung bình: Đạt tỷ lệ điểm từ 60% đến dưới 70%.

đ) Nhóm đạt điểm Yếu: Đạt tỷ lệ điểm dưới 60%.

7. Thẩm quyền công bố kết quả xếp hạng chỉ số PAPI

Chỉ số PAPI của các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã hàng năm do Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

Điều 9. Thời gian chốt số liệu và thời gian thực hiện đánh giá

1. Thời gian chốt số liệu đánh giá đối với các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã là 12 tháng, tính từ ngày **01/10** của năm trước liền kề của năm đánh giá đến hết ngày **30/9** của năm đánh giá.

2. Thời gian thực hiện đánh giá

a) Trước ngày **30/9** của năm đánh giá, Sở Nội vụ phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch, tổ chức, tổng hợp kết quả điều tra khảo sát mức độ hài lòng của người dân đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

b) Trước ngày **10/10** của năm đánh giá, các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn thành công tác tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số PAPI của đơn vị mình và gửi kết quả về Sở Nội vụ.

c) Trước ngày **15/11** của năm đánh giá, Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan, đơn vị và trình Ủy ban nhân dân tỉnh công bố kết quả Chỉ số PAPI của các cơ quan cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Điều 10. Kinh phí thực hiện

Kinh phí triển khai xác định chỉ số PAPI được bảo đảm bằng nguồn ngân sách nhà nước của tỉnh và thực hiện theo phân cấp ngân sách hiện hành.

Chương IV
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các cơ quan thuộc đối tượng điều chỉnh của Quy định này

1. Tổ chức phổ biến, quán triệt Quy định này trong phạm vi cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện tự đánh giá, gửi báo cáo kết quả tự đánh giá kèm theo tài liệu kiểm chứng kết quả thực hiện nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính

công đầy đủ, chính xác theo thời gian quy định; thực hiện nhiệm vụ phối hợp với Sở Nội vụ khi có yêu cầu.

2. Chỉ đạo bộ phận tham mưu thường xuyên cập nhật, đăng tải tài liệu kiểm chứng tương ứng với từng tiêu chí, tiêu chí thành phần lên phần mềm chấm điểm ngay sau khi văn bản được ban hành.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến về mục tiêu, nội dung, kết quả Chỉ số PAPI hàng năm dưới nhiều hình thức khác nhau nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức.

4. Phối hợp với Sở Nội vụ trong việc tổ chức điều tra xã hội học đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

5. Căn cứ kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số PAPI, quyết định việc biểu dương, khen thưởng theo thẩm quyền; chấn chỉnh, xử lý kịp thời các đơn vị, cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm các quy định, chỉ đạo của cấp trên về công tác nâng cao chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công.

Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan được Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai thực hiện các nhiệm vụ nâng cao Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh

1. Sở Nội vụ là cơ quan chủ trì, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Quyết định này, tập trung vào các nhiệm vụ sau:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng văn bản hướng dẫn các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã tiến hành tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số PAPI; thành lập, phân công nhiệm vụ Tổ thẩm định cấp tỉnh để thẩm định kết quả tự đánh giá chấm điểm của các đơn vị.

b) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh thẩm định kết quả tự đánh giá đối với các cơ quan cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai các nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công (tại phần B, phụ lục I).

c) Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan cấp tỉnh (tại mục I, phần A, Phụ lục I, lĩnh vực Công tác chỉ đạo điều hành PAPI; tại mục II, phần A, Phụ lục I, lĩnh vực thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị); Ủy ban nhân dân cấp xã về các tiêu chí, tiêu chí thành phần: Công tác chỉ đạo điều hành PAPI; Tham gia của người dân ở cấp cơ sở.

Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần Quản trị điện tử. Sử dụng kết quả thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực Xây dựng, thực hiện Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách tại Bộ Chỉ số cải cách hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định làm kết quả thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần Quản trị điện tử thuộc Bộ chỉ số PAPI.

d) Thực hiện công tác kiểm tra thực tế việc tự chấm điểm tại các cơ quan, đơn vị nếu cần thiết và tổng hợp kết quả thẩm định, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

đ) Lập dự toán kinh phí phục vụ xác định Chỉ số PAPI hàng năm gửi Sở Tài chính.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng Phiếu điều tra xã hội học đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công.

g) Quản lý, vận hành, nâng cấp phần mềm chấm điểm Chỉ số PAPI các cấp bảo đảm thông suốt, dễ sử dụng.

h) Đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích trong việc nâng cao Chỉ số PAPI của cơ quan, đơn vị hàng năm.

2. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã về lĩnh vực: Thủ tục hành chính công và Quản trị điện tử. Sử dụng kết quả thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực Cải cách thủ tục hành chính; Xây dựng, thực hiện Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách tại Bộ Chỉ số cải cách hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định làm kết quả thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần Thủ tục hành chính công, Quản trị điện tử thuộc Bộ chỉ số PAPI.

3. Sở Tư pháp: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan cấp tỉnh (tại mục II, phần A, Phụ lục I, lĩnh vực Tiếp cận thông tin); Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chí, tiêu chí thành phần: Tiếp cận thông tin.

4. Sở Tài chính: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chí, tiêu chí thành phần: Các quy định về công khai, minh bạch thu chi ngân sách cấp xã.

5. Sở Nông nghiệp và Môi trường: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan cấp tỉnh (tại mục II, phần A, Phụ lục I, lĩnh vực Bảo vệ môi trường); Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chí, tiêu chí thành phần: Công khai minh bạch danh sách hộ nghèo; Công khai minh bạch Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng; Cơ sở hạ tầng căn bản (tại Phụ lục II, phần II, tiêu chí thành phần 6.3.7, 6.3.8); Quản trị môi trường.

6. Sở Y tế: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chí, tiêu chí thành phần: Dịch vụ y tế công lập (tại Phụ lục II, phần II, tiêu chí thành phần 6.1.1, 6.1.2, 6.1.3).

7. Sở Giáo dục và Đào tạo: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chí, tiêu chí thành phần: Dịch vụ giáo dục công lập.

8. Sở Xây dựng: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chí, tiêu chí thành phần:

Cơ sở hạ tầng căn bản (tại phần II, Phụ lục II, tiêu chí thành phần 6.3.1, 6.3.2, 6.3.3, 6.3.4, 6.3.5, 6.3.6).

9. Sở Khoa học và Công nghệ: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã đối với tiêu chí, tiêu chí thành phần Quản trị điện tử. Sử dụng kết quả thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần thuộc lĩnh vực Xây dựng, thực hiện Chính quyền điện tử, Chính quyền số thuộc ngành, lĩnh vực phụ trách tại Bộ Chỉ số cải cách hành chính do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định làm kết quả thẩm định các tiêu chí, tiêu chí thành phần Quản trị điện tử thuộc Bộ chỉ số PAPI.

10. Thanh tra tỉnh: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan cấp tỉnh (tại mục II, phần A, Phụ lục I); Ủy ban nhân dân cấp xã về các tiêu chí, tiêu chí thành phần: Trách nhiệm giải trình với người dân và Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công.

11. Bảo hiểm xã hội tỉnh: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chí, tiêu chí thành phần: Dịch vụ y tế công lập (tại phần II, Phụ lục II, tiêu chí thành phần 6.1.4, 6.1.5).

12. Công an tỉnh: Triển khai các nội dung liên quan và thẩm định kết quả tự đánh giá, chấm điểm của các cơ quan cấp tỉnh (tại mục II, phần A, Phụ lục I, tiêu chí 6.1, 6.2); Ủy ban nhân dân cấp xã về tiêu chí, tiêu chí thành phần: An ninh, trật tự khu dân cư.

Điều 13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động quần chúng Nhân dân thực hiện tốt các nội dung liên quan đến Chỉ số PAPI.

2. Giám sát các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc thực hiện các nhiệm vụ tại Quy định này.

3. Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định kết quả tự đánh giá đối với các cơ quan cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh giao triển khai các nhiệm vụ nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công (tại phần B, Phụ lục I).

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan truyền thông tỉnh

1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến kế hoạch; đưa tin, bài phản ánh về kết quả triển khai thực hiện để Nhân dân biết, giám sát.

2. Cung cấp tài liệu kiểm chứng đối với nội dung đánh giá ý kiến phản ánh của cơ quan truyền thông đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Sở Nội vụ.

Điều 15. Điều khoản thi hành

1. Các cơ quan, đơn vị theo trách nhiệm được phân công tổ chức triển khai thực hiện Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Phụ lục I

BỘ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CỦA CƠ QUAN CẤP TỈNH

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
A	**NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ CHUNG ĐỐI VỚI CÁC SỞ, BAN, NGÀNH TỈNH**	**36.00**			
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH PAPI**	**5.00**			
1	**Triển khai thực hiện kế hoạch PAPI**	**2.00**			
1.1	***Ban hành kế hoạch PAPI***	**1.00**			Kế hoạch ban hành
	Có ban hành chậm nhất 15 ngày làm việc sau thời gian ban hành Kế hoạch PAPI trong năm đó của UBND tỉnh: 0.5				
	Bảo đảm đầy đủ các trục nội dung theo ngành, lĩnh vực quản lý; có bảng nhiệm vụ và phân công trách nhiệm cụ thể, thời gian hoàn thành nhiệm vụ: 0.5				
	Không đạt các yêu cầu trên: 0				
1.2	***Mức độ hoàn thành kế hoạch PAPI***	**1.00**			Báo cáo PAPI năm; bảng thống kê số nhiệm vụ hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch PAPI năm; Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ kế hoạch: 1				
	Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ kế hoạch: 0				
2	**Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ**	**0.50**			Các báo cáo định kỳ PAPI
	Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về PAPI (Báo cáo bảo đảm đầy đủ các trục nội dung của Chỉ số PAPI): 0.5				
	Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc có báo cáo nhưng báo cáo chưa đầy đủ các trục nội dung của Chỉ số PAPI: 0				
3	**Công tác tuyên truyền PAPI**	**1.50**			
3.1	***Thực hiện các hình thức tuyên truyền PAPI***	**1.00**			
	Tuyên truyền nội dung PAPI thông qua các phương tiện thông tin đại chúng				Hình ảnh, đường link,….

	(Truyền thanh, pano, mạng xã hội Zalo, Facebook,….): 0.5				
	Tuyên truyền nội dung PAPI thông qua các hình thức khác (Hội nghị, hội thảo, tờ rơi…): 0.5				Hình ảnh tờ rơi, pano,…
3.2	***Tham gia các lớp tập huấn về PAPI theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức***	**0.50**			
	Tham gia đầy đủ: 0.5				
	Tham gia không đầy đủ: 0				
4	**Phối hợp thực hiện nhiệm vụ trong công tác nâng cao chỉ số PAPI**	**1.00**			Các văn bản phối hợp
	100% nhiệm vụ phối hợp được hoàn thành đúng hạn: 1				
	Dưới 100%: 0				
II	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO TRỤC NỘI DUNG**	**31.00**			
1	**Việc thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan, đơn vị**	**2.00**			
1.1.	***Ban hành nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị***	**0.50**			Nội quy, Quy chế của cơ quan
	Có ban hành: 0.5				
	Không ban hành: 0				
1.2.	***Công khai những việc để cán bộ, công chức, viên chức biết theo quy định của pháp luật***	**0.50**			Các văn bản triển khai
	Có công khai: 0.5				
	Không công khai: 0				
1.3.	***Thành lập, kiện toàn Ban Thanh tra nhân dân tại cơ quan, đơn vị***	**0.50**			Kế hoạch, quyết định, báo cáo,…
	Có thành lập, kiện toàn đúng quy định: 0.5				
	Không thành lập hoặc kiện toàn không đúng quy định: 0				
1.4	***Ban hành Chương trình, kế hoạch hoạt động giám sát của Ban Thanh tra nhân dân***	**0.50**			Chương trình, Kế hoạch,…
	Có ban hành: 0.5				
	Không ban hành: 0				
2	**Tiếp cận thông tin**	**2.00**			
2.1	***Việc triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định là văn bản quy phạm pháp luật có quy định chính sách đến người dân, các kế hoạch, chương trình, đề án, công văn về chính sách, pháp luật do tỉnh triển khai***	**0.50**			Chương trình, kế hoạch, công văn …
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
2.2	***Cập nhật, đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh theo ngành, lĩnh vực trên trang***	**0.50**			Bài viết, địa chỉ trang website…

	thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị				
	Có thực hiện cập nhật, đăng tải: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
2.3	***Thực hiện tuyên truyền các chính sách, pháp luật do Trung ương, tỉnh ban hành thông qua các hình thức***	**1.00**			Kế hoạch, công văn, bản tin, địa chỉ trang website, tờ rơi, tờ gấp,..
	Thực hiện từ 02 hình thức trở lên: 1				
	Thực hiện dưới 02 hình thức: 0.5				
	Không thực hiện tuyên truyền: 0				
3	**Trách nhiệm giải trình với người dân**	**4.00**			
3.1	***Thực hiện tổ chức tiếp công dân theo quy định***	**2.00**			Các văn bản quy định, hình ảnh,…
	Có thực hiện: 2				
	Không thực hiện: 0				
3.2	***Tỷ lệ người dân đã được giải quyết kiến nghị, tố cáo, khiếu nại đúng quy định***	**2.00**			Báo cáo kết quả công tác giải quyết khiếu nại tố cáo
	Từ 90% đến 100%: 2				
	Từ 50% đến dưới 90%: 1				
	Dưới 50%: 0				
4	**Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công**	**6.00**			
4.1	***Công khai kế hoạch tuyển dụng, xét tuyển viên chức và các đơn vị sự nghiệp theo thẩm quyền***	**1.00**			Kế hoạch, các hình thức công khai
	Có thực hiện: 1				
	Không thực hiện: 0				
4.2	***Quyết tâm chống tham nhũng***	**5.00**			
4.2.1	Các biện pháp tuyên truyền về luật phòng chống tham nhũng	2.00			Các văn bản triển khai, liên quan
	Ban hành các văn bản tuyên truyền các quy định của Pháp luật về phòng chống tham nhũng: 1				
	Tổ chức Hội nghị, cuộc thi tìm hiểu về công tác phòng chống tham nhũng: 1				
	Không ban hành và không tổ chức: 0				
4.2.2	Công khai rộng rãi kết quả xử lý các vụ việc tham nhũng	2.00			Hình ảnh, đường link,…
	Có công khai: 2				
	Không công khai: 0				
	(Trường hợp trong kỳ đánh giá không phát sinh vụ việc tham nhũng thì được 2 điểm)				
4.2.3	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	1.00			Báo cáo đánh giá chất lượng cán bộ công chức cuối năm; Báo cáo kết quả công tác thanh tra
	Không có trường hợp bị xử lý: 1				
	Có trường hợp bị xử lý: 0				
5	**Thủ tục hành chính công**	**7.00**			Kết quả Thủ tục hành chính

					công lấy từ kết quả đánh giá lĩnh vực Thủ tục hành chính trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính do UBND tỉnh quy định
6	**Cung ứng dịch vụ công**	**2.00**			
6.1	***Công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ***	**1.00**			Báo cáo kết quả đảm bảo an toàn trật tự của Công an tỉnh
	Không có vụ cháy nổ gây thiệt hại nghiêm trọng: 1				
	Để xảy ra cháy nổ gây thiệt hại nghiêm trọng: 0				
6.2	***Bảo đảm an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường***	**1.00**			Báo cáo kết quả đảm bảo an toàn trật tự của Công an tỉnh
	Không có vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng: 1				
	Xảy ra vụ việc gây hậu quả nghiêm trọng: 0				
7	**Tuyên truyền về bảo vệ môi trường**	**2.00**			Các văn bản kiểm chứng về việc tổ chức, phối hợp tuyên truyền; Hình ảnh, đường link,…
	Có thực hiện: 2				
	Không thực hiện: 0				
8	**Quản trị điện tử**	**6.00**			Kết quả Quản trị điện tử lấy từ kết quả đánh giá lĩnh vực Xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử va chính quyền số trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính do UBND tỉnh quy định
B	**NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ RIÊNG ĐỐI VỚI CÁC SỞ, NGÀNH ĐƯỢC UBND TỈNH GIAO TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NÂNG CAO CHỈ SỐ PAPI**	**24.00**			
1	**Công tác kiểm tra PAPI**	**1.00**			
1.1	***Tỷ lệ các xã, phường được kiểm tra PAPI trong năm***	**0.50**			Kế hoạch kiểm tra, biên bản sau kiểm tra
	Từ 30% số xã, phường trở lên: 0.5				
	Dưới 30% số xã, phường: 0				
1.2	***Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra***	**0.50**			Báo cáo kiểm tra
	100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0.5				
	Dưới 100% số vấn đề được xử lý hoặc kiến nghị xử lý: 0				
2	**Tham gia của người dân ở cấp cơ sở**	**2.50**			
2.1	***Tri thức công dân về tham gia bầu cử***	**1.00**			
2.1.1	Triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của Trung ương, của Tỉnh	0.50			Các kế hoạch, công văn, hướng dẫn triển khai công

	ủy về bầu cử; Quy chế tổ chức và hoạt động thôn, tổ dân phố và các văn bản có liên quan đến công tác bầu cử các chức danh theo quy định				tác bầu cử
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
2.1.2	Ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến các chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến các tầng lớp Nhân dân về công tác bầu cử	0.50			Kế hoạch
	Có ban hành: 0.5				
	Không ban hành: 0				
2.2	***Chất lượng bầu cử và tham gia bầu cử***	**1.50**			
2.2.1	Tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ, hướng dẫn UBND cấp xã quy chế dân chủ ở cơ sở	0.50			Văn bản triển khai
	Có tổ chức: 0.5				
	Không tổ chức: 0				
2.2.2	Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện của UBND cấp xã	0.50			Kế hoạch, biên bản kiểm tra
	Có kiểm tra, giám sát: 0.5				
	Không kiểm tra, giám sát: 0				
2.2.3	Ban hành văn bản triển khai, hướng dẫn quy chế hoạt động thôn, tổ dân phố và các chức danh khác trên địa bàn tỉnh	0.50			Công văn, Kế hoạch
	Có ban hành: 0.5				
	Không ban hành : 0				
3	**Công khai, minh bạch**	**3.00**			
3.1	***Tiếp cận thông tin***	**1.00**			
3.1.1	Xây dựng văn bản triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật của ngành tư pháp	0.50			Chương trình, kế hoạch, công văn …
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
3.1.2	Cập nhật, đăng tải các văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND tỉnh, tài liệu, tin bài trên trang thông tin điện tử của Sở, trang Fanpage Phổ biến giáo dục pháp luật - tỉnh Hưng Yên, Bản tin Tư pháp Hưng Yên - Phổ biến giáo dục pháp luật	0.50			Bài viết, địa chỉ trang website…
	Có thực hiện cập nhật, đăng tải: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
3.2	***Công khai minh bạch danh sách hộ nghèo***	**1.00**			
3.2.1	Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện rà soát hộ nghèo theo đúng quy định	0.50			Các văn bản chỉ đạo, điều hành (Kế hoạch/quy trình rà soát/công văn…)
	Có ban hành: 0.5				

	Không ban hành: 0				
3.2.2	Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện rà soát hộ nghèo tại UBND cấp xã	0.50			Báo cáo kết quả kiểm tra/giám sát hoặc biên bản kiểm tra/giám sát các đơn vị cấp xã
	Có tổ chức kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện rà soát hộ nghèo từ 70% đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh trở lên: 0.5				
	Có tổ chức kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện rà soát hộ nghèo từ 50% đến dưới 70% đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh trở lên: 0,25				
	Không tổ chức hoặc có tổ chức kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện rà soát hộ nghèo dưới 50% đơn vị cấp xã trên địa bàn tỉnh: 0				
3.3	***Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra tình hình công khai ngân sách cấp xã theo quy định về công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách***	**0.50**			Các văn bản triển khai, kế hoạch, biên bản kiểm tra,..
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
3.4	***Tham mưu UBND tỉnh chỉ đạo việc công bố công khai quy hoạch sử dụng đất/kế hoạch sử dụng đất cấp xã được phê duyệt***	**0.50**			Văn bản chỉ đạo
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
4	**Hướng dẫn Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, giải quyết khiếu nại, tố cáo**	**1.00**			Hướng dẫn, văn bản triển khai
	Có triển khai hướng dẫn: 1				
	Không triển khai hướng dẫn: 0				
5	**Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công**	**2.50**			
5.1	***Xây dựng và triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra hàng năm, chuyên đề, chuyên ngành***	**0.50**			Kế hoạch, báo cáo, biên bản
	Có ban hành và triển khai: 0.5				
	Không ban hành và triển khai: 0				
5.2	***Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền***	**1.00**			
5.2.1	Kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách	0.50			Kế hoạch, biên bản
	Có kiểm tra: 0.5				
	Không kiểm tra: 0				
5.2.2	Kiểm tra việc thực hiện kết luận các cuộc thanh tra, kiểm tra trước đây; kiến nghị xử lý nghiêm đối với các	0.50			Kế hoạch, biên bản

	trường hợp tái phạm hoặc chậm khắc phục, không thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra				
	Có kiểm tra: 0.5				
	Không kiểm tra: 0				
5.3	***Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công***	**1.00**			
5.3.1	Thanh tra, kiểm tra việc thực hiện luật Khám chữa bệnh, thực hiện quy chế chuyên môn của Bộ Y tế	0.50			Kế hoạch, biên bản
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
5.3.2	Thanh tra, kiểm tra các cơ sở giáo dục tiểu học công lập về cơ sở vật chất, chất lượng giáo dục, đội ngũ giáo viên của các trường tiểu học trên địa bàn, xử lý kịp thời các vụ việc, hành vi tiêu cực; thông tin, công khai rộng rãi tới người dân.	0.50			Kế hoạch, biên bản
	Có kiểm tra, xử lý: 0.5				
	Không kiểm tra, xử lý: 0				
6	**Thủ tục hành chính công**	**2.00**			
6.1	***Triển khai thực hiện các văn bản chỉ đạo, điều hành của các cơ quan nhà nước Trung ương về cải cách thủ tục hành chính (TTHC), kiểm soát TTHC và thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC trên địa bàn tỉnh***	**0.50**			Các văn bản triển khai
	Có triển khai thực hiện: 0.5				
	Không triển khai thực hiện: 0				
6.2	***Tổ chức thực hiện việc rà soát, đánh giá TTHC thuộc phạm vi thẩm quyền giải quyết của sở, ban, ngành và UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh theo quy định***	**0.50**			Các văn bản triển khai
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
6.3	***Kiểm tra việc thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC và việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã***	**0.50**			Kế hoạch, báo cáo, biên bản,..
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
6.4	***Xây dựng tài liệu hướng dẫn; tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC, công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa các cấp***	**0.50**			Tài liệu, văn bản
	Có thực hiện: 0.5				

	Không thực hiện: 0				
7	**Cung ứng dịch vụ công**	**9.00**			
7.1	***Dịch vụ y tế công lập***	**2.00**			
7.1.1	Hướng dẫn, đánh giá việc thực hiện các quy định của pháp luật về trang thiết bị và công trình y tế	0.50			Các văn bản có liên quan đến triển khai nhiệm vụ
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
7.1.2	Tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực y tế và chính sách phát triển nguồn nhân lực y tế trên địa bàn tỉnh	0.50			Có văn bản, quyết định giao dự toán chi cho phát triển ngành y tế địa phương
	Có tổ chức: 0.5				
	Không tổ chức: 0				
7.1.3	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về lợi ích của bảo hiểm y tế	0.50			Kế hoạch văn bản hướng dẫn chỉ đạo công tác tổ chức tập huấn, tuyên truyền
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
7.1.4	Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	0.50			Kế hoạch được giao hàng năm
	Từ 90% trở lên: 0.5				
	Đạt tỷ lệ dưới 90%: 0				
7.2	***Dịch vụ giáo dục công lập***	**1.50**			
7.2.1	Công tác phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; xây dựng trường học đạt chuẩn quốc gia	0.50			Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, kế hoạch, báo cáo,…
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
7.2.2	Huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (*Chính sách để thu hút nguồn lực đối với giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; quản lý việc thực hiện xã hội hóa giáo dục trong các trường*)	0.50			Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, rà soát, báo cáo,…
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
7.2.3	Công tác bồi dưỡng đội ngũ quản lý, giáo viên	0.50			Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
7.3	***Cơ sở hạ tầng căn bản***	**3.00**			
7.3.1	Triển khai thực hiện các công trình cải tạo, sửa chữa, bảo đảm an toàn giao thông, công trình mục tiêu giảm thiểu ùn tắc giao thông	0.50			Danh mục công trình được giao triển khai thực hiện
	Có triển khai : 0.5				
	Không triển khai: 0				
	(Trường hợp trong kỳ đánh giá không				

	phát sinh nhiệm vụ thì được 0.5 điểm)				
7.3.2	Tham mưu kế hoạch đầu tư các công trình giao thông trên địa bàn tỉnh	0.50			Công văn, báo cáo đề nghị đầu tư; Danh mục công trình cho năm tiếp theo…
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
7.3.3	Ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn tỉnh	0.50			Văn bản triển khai hướng dẫn của Sở Xây dựng
	Có ban hành: 0.5				
	Không ban hành: 0				
7.3.4	Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình giao thông của cơ quan chuyên môn về xây dựng	0.50			Biên bản kiểm tra, báo cáo kết quả, văn bản triển khai có liên quan
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
7.3.5	Báo cáo và tham mưu đề xuất, kiến nghị về thực hiện Chương trình cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên	0.50			Báo cáo đột xuất, 06 tháng, báo cáo tổng kết hàng năm Chương trình cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Có báo cáo: 0.5				
	Không báo cáo: 0				
7.3.6	Theo dõi, giám sát và đôn đốc việc thực hiện Chương trình cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên	0.50			Các văn bản đôn đốc, chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và Môi trường
	Có văn bản: 0.5				
	Không văn bản: 0				
7.4	***An ninh, trật tự khu dân cư***	**2.50**			
7.4.1	Ban hành kịp thời các văn bản triển khai công tác đảm bảo an ninh trật tự (ANTT) theo chỉ đạo của Tỉnh ủy, UBND tỉnh	0.25			Báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Ban hành kịp thời: 0.25				
	Không ban hành: 0				
7.4.2	Trên địa bàn để xảy ra tình trạng khiếu kiện phức tạp	0.50			Báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Không có: 0.5				
	Có xảy ra: 0				
7.4.3	Phát sinh tội phạm có tổ chức, hình thành các điểm phức tạp về trật tự	0.50			Báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Không phát sinh tội phạm có tổ chức hoặc địa điểm phức tạp về trật tự: 0.5				
	Có phát sinh tội phạm có tổ chức hoặc địa điểm phức tạp về trật tự: 0				
7.4.4	Số vụ phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn	0.25			Báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Giảm so với năm trước liền kề: 0.25				
	Không giảm so với năm trước liền kề: 0				

7.4.5	Tỷ lệ điều tra khám phá án, tỷ lệ điều tra án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng	0.50			Báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Đạt 100% chỉ tiêu đề ra: 0.5				
	Đạt từ 80 đến dưới 100% chỉ tiêu đề ra: 0.25				
	Đạt dưới 80% chỉ tiêu đề ra: 0				
7.4.6	Thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông *(so với năm trước liền kề)*	0.50			Báo cáo kết quả đảm bảo ANTT của Công an tỉnh
	Giảm 3 tiêu chí: 0.5				
	Giảm 2 tiêu chí: 0.25				
	Giảm 1 tiêu chí: 0.25				
	Không giảm tiêu chí nào: 0				
8	**Quản trị môi trường**	**1.50**			
8.1	***Quán triệt, triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường tại địa phương***	**0.50**			Các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, đề án về bảo vệ môi trường, triển khai các văn bản của trung ương, của tỉnh về bảo vệ môi trường
	Có triển khai thực hiện: 0.5				
	Không triển khai thực hiện: 0				
8.2	***Kiểm tra, xử lý vi phạm theo thẩm quyền về lĩnh vực môi trường trên địa bàn tỉnh***	**1.00**			Kế hoạch, biên bản
	Có thực hiện kiểm tra: 1				
	Không thực hiện kiểm tra: 0				
9	**Quản trị điện tử**	**1.50**			
9.1	***Tuyên truyền tới người dân về tiện ích mạng Internet, đặc biệt khu vực các xã ngoại thành; nâng cao nhận thức và hành vi sử dụng mạng Internet hiệu quả, văn minh, đúng pháp luật***	**0.50**			Kế hoạch, Các hình thức tuyên truyền
	Có thực hiện tuyên truyền: 0.5				
	Không thực hiện tuyên truyền: 0				
9.2	***Kiểm tra hoạt động và xử lý vi phạm của doanh nghiệp, đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông, Internet và người sử dụng trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật***	**1.00**			Kế hoạch, báo cáo, biên bản,…
	Có thực hiện kiểm tra, xử lý: 1				
	Không kiểm tra, xử lý: 0				
C	**Ý kiến phản ánh của cơ quan truyền thông đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công**	**10.00**			Bài đăng, hình ảnh, đường link
	Không có ý kiến phản ánh: 10				
	Có từ 1 đến 5 ý kiến phản ánh đối với lĩnh vực được giao triển khai thực hiện: 5				

	Có trên 5 ý kiến phản ánh đối với lĩnh vực được giao triển khai thực hiện: 0				
D	**Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn tỉnh**	**30.00**			Nội dung đánh giá qua phiếu khảo sát trực tiếp
	TỔNG ĐIỂM:	**100.00**			

Phụ lục II

BỘ CHỈ SỐ HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG (PAPI) CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Nội dung/tiêu chí/tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá	Điểm thẩm định	Tài liệu kiểm chứng
I	**CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH PAPI**	**5.00**			
1	**Triển khai thực hiện kế hoạch PAPI**	**2.00**			
1.1	***Ban hành kế hoạch PAPI***	***1.00***			Kế hoạch ban hành kèm phụ lục phân công nhiệm vụ cụ thể
	Có ban hành chậm nhất 15 ngày làm việc sau thời gian ban hành Kế hoạch PAPI trong năm đó của UBND tỉnh: 0.5				
	Nội dung bảo đảm đầy đủ các trục nội dung, có phân công trách nhiệm, thời gian hoàn thành nhiệm vụ: 0.5				
	Không đạt các yêu câu trên: 0				
1.2	***Mức độ hoàn thành kế hoạch PAPI***	***1.00***			Báo cáo PAPI năm; bảng thống kê số nhiệm vụ hoàn thành so với tổng số nhiệm vụ đề ra theo kế hoạch PAPI năm; Tài liệu kiểm chứng khác (nếu có)
	Hoàn thành 100% nhiệm vụ kế hoạch: 1				
	Hoàn thành dưới 100% nhiệm vụ kế hoạch: 0				
2	**Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ**	**0.50**			Các báo cáo định kỳ PAPI
	Báo cáo định kỳ 6 tháng, năm về PAPI (Báo cáo bảo đảm đầy đủ các trục nội dung của Chỉ số PAPI): 0.5				
	Không thực hiện chế độ báo cáo hoặc có báo cáo nhưng báo cáo chưa đầy đủ các trục nội dung của Chỉ số PAPI: 0				
3	**Công tác tuyên truyền PAPI**	**1.50**			
3.1	***Thực hiện các hình thức tuyên truyền PAPI***	***1.00***			Các công văn triển khai; tài liệu kiểm chứng khác (đường link tin bài, lịch phát sóng, tờ rơi...).
	Tuyên truyền nội dung PAPI thông qua các phương tiện thông tin đại				

	chúng (Truyền thanh, pano, mạng xã hội Zalo, Facebook,....): 0.5				
	Tuyên truyền nội dung PAPI thông qua các phương tiện khác (Hội nghị, hội thảo, tờ rơi...): 0.5				
3.2	***Tham gia các lớp tập huấn về PAPI theo kế hoạch của UBND tỉnh tổ chức***	***0.50***			
	Tham gia đầy đủ: 0.5				
	Tham gia không đầy đủ: 0				
4	**Phối hợp thực hiện nhiệm vụ trong công tác nâng cao chỉ số PAPI**	**1.00**			Các văn bản phối hợp
	100% nhiệm vụ phối hợp được hoàn thành đúng hạn: 1				
	Dưới 100%: 0				
II	**KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO TRỤC NỘI DUNG**	**55.00**			
1	**Tham gia của người dân ở cấp cơ sở**	**7.00**			
1.1	***Tri thức công dân về tham gia bầu cử***	***1.50***			
1.1.1	Việc triển khai thực hiện các văn bản hướng dẫn của tỉnh về bầu cử; Quy chế tổ chức và hoạt động thôn, tổ dân phố và các văn bản có liên quan đến công tác bầu cử các chức danh theo quy định trong năm	0.50			Các kế hoạch, công văn, hướng dẫn triển khai công tác bầu cử của cấp xã
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
1.1.2	Thực hiện tuyên truyền đến người dân về thông tin, vị trí các chức danh lãnh đạo tại địa phương	1.00			Đài phát thanh, trang Website: Bài viết, lịch phát sóng, địa chỉ trang website, số buổi phát sóng, hình ảnh, video…
	Thực hiện đầy đủ trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng: 1				
	Có thực hiện trên các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5				
	Không thực hiện tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: 0				
1.2	***Cơ hội tham gia bầu cử***	***3.00***			
1.2.1	Tỷ lệ người dân trên địa bàn tham gia vào tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể	0.50			Các Quyết định, phê chuẩn,... về danh sách người tham gia...
	Từ 50% trở lên: 0.5				
	Từ 30% đến dưới 50%: 0.25				
	Dưới 30%: 0				
1.2.2	Tỷ lệ người dân tham gia các tổ	0.50			Danh sách các hội viên có xác

	chức xã hội, hội, nhóm, câu lạc bộ tự lập				nhận của người đứng đầu tổ chức xã hội; trưởng nhóm, hội…
	Từ 50% trở lên: 0.5				
	Từ 30% đến dưới 50%: 0.25				
	Dưới 30%: 0				
1.2.3	Tỷ lệ cử tri của xã tham gia bầu cử đại biểu HĐND các cấp lần gần nhất	0.50			Báo cáo thống kê bầu cử của cấp huyện, của cấp xã; biên bản xác nhận tổng hợp số lượng cử tri đi bầu….
	Từ 95% trở lên: 0.5				
	Từ 90% đến dưới 95%: 0.25				
	Dưới 90%: 0				
1.2.4	Tỷ lệ cử tri cấp xã tham gia bầu cử đại biểu Quốc hội lần gần nhất	0.50			Báo cáo thống kê bầu cử của cấp xã; biên bản xác nhận tổng hợp số lượng cử tri đi bầu….
	Từ 95% trở lên: 0.5				
	Từ 90% đến dưới 95%: 0.25				
	Dưới 90%: 0				
1.2.5	Thực hiện phát trực tiếp các kỳ họp HĐND cấp xã qua hệ thống truyền thanh	0.50			Kế hoạch các kì họp (có thông tin đến nội dung phát kỳ họp qua đài truyền thanh xã) hoặc chương trình của đài truyền thanh liên quan đến các kỳ họp.
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
1.2.6	Tỷ lệ cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đã tham gia bầu Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố lần gần nhất	0.50			Báo cáo hoặc Biên bản xác nhận tổng hợp số lượng cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình đi bầu trưởng thôn,tổ trưởng tổ dân phố….
	Từ 95% trở lên: 0.5				
	Từ 90% đến dưới 95%: 0.25				
	Dưới 90%: 0				
1.3	***Chất lượng bầu cử và tham gia bầu cử***	***2.00***			
1.3.1	Niêm yết công khai kết quả bầu Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố	0.50			Báo cáo, hình ảnh niêm yết, địa chỉ đường link…
	Niêm yết kết quả tại trụ sở UBND cấp xã: 0.25				
	Niêm yết kết quả tại nhà văn hóa cấp xã: 0.25				
1.3.2	Đơn thư khiếu nại về quá trình bầu cử Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố	0.50			Báo cáo của UBND cấp xã và các kết luận liên quan đến sai phạm
	Không có đơn thư khiếu nại: 0.5				
	Đơn thư khiếu nại có kết luận không				

	sai phạm: 0.25				
	Đơn thư khiếu nại có kết luận sai phạm: 0				
1.3.3	Tỷ lệ trung bình phiếu bầu hợp lệ cho người được trúng cử Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố	0.50			Báo cáo về thống kê kết quả bầu cử của cấp xã; biên bản bầu trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố
	Từ 90% trở lên: 0.5				
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.25				
	Dưới 80%: 0				
1.3.4	Tỷ lệ trung bình Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trúng cử ở lần bầu cử thứ nhất	0.50			Báo cáo của cấp xã, biên bản hoặc các văn bản có liên quan đến số lần bầu cử, kết quả bầu cử
	Từ 90% trở lên: 0.5				
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.25				
	Dưới 80%: 0				
1.4	***Tỷ lệ người dân tham gia ý kiến về quyết định các công trình công cộng***	***0.50***			Báo cáo của cấp xã tiếp thu các ý kiến tham gia của người dân về các công trình công cộng, trong đó nếu rõ tỷ lệ người dân tham gia ý kiến về quyết định các công trình công cộng
	Từ 80% trở lên: 0.5				
	Từ 50% đến dưới 80% : 0.25				
	Dưới 50%: 0				
2	**Công khai, minh bạch**	**9.50**			
2.1	***Tiếp cận thông tin***	***3.00***			
2.1.1	Triển khai thực hiện nghị quyết, quyết định là văn bản quy phạm pháp luật có quy định chính sách đến người dân, các kế hoạch, chương trình, đề án, công văn về chính sách, pháp luật do tỉnh ban hành và triển khai thực hiện	1.00			Các Quyết định, Kế hoạch, công văn triển khai
	Có thực hiện: 1				
	Không thực hiện: 0				
2.1.2	Thực hiện tuyên truyền các chính sách pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng	1.00			Bài viết, lịch phát sóng, địa chỉ trang website, số buổi phát sóng, hình ảnh, video…
	Thực hiện đầy đủ trên tất cả các phương tiện thông tin đại chúng: 1				
	Có thực hiện trên một số các phương tiện thông tin đại chúng: 0.5				
	Không thực hiện tuyên truyền trên phương tiện thông tin đại chúng: 0				
2.1.3	Thực hiện tuyên truyền các chính sách, pháp luật thông qua các hình	1.00			Kế hoạch, công văn, giấy mời, đề cương, bản tin, pa-nô, áp-

	thức khác				phích, tờ gấp, tờ rơi…
	Thực hiện từ 02 hình thức trở lên: 1				
	Thực hiện dưới 02 hình thức: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
2.2	***Công khai minh bạch danh sách hộ nghèo***	***2.50***			
2.2.1	Công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện công khai minh bạch danh sách hộ nghèo	0.50			Các văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp xã (Kế hoạch/quy trình rà soát/công văn…)
	Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, trong đó có nội dung thực hiện công khai, minh bạch công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát; thực hiện niêm yết, thông báo công khai): 0.5				
	Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, trong đó có nội dung thực hiện công khai, minh bạch công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng chưa đầy đủ theo quy định (tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát; thực hiện niêm yết, thông báo công khai): 0,25				
	Không có hoặc Có văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, trong đó không có nội dung thực hiện công khai, minh bạch công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo (tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát; thực hiện niêm yết, thông báo công khai): 0				
2.2.2	Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát	1.00			Biên bản kết quả họp dân để thống nhất kết quả rà soát
	100% các thôn/tổ dân phố có tổ chức họp; từ 70% hộ gia đình có tên trong Danh sách hộ gia đình cần rà soát và từ 20% hộ gia đình khác trở lên trên địa bàn cấp xã tham dự họp (Mỗi hộ gia đình cử ít nhất 01 thành viên gia đình đại diện tham dự họp): 1				
	100% các thôn/tổ dân phố có tổ chức họp; từ 50% hộ gia đình có tên trong Danh sách hộ gia đình cần rà soát và từ 10% đến dưới 20% hộ gia đình khác trở lên trên địa bàn cấp xã tham dự họp (Mỗi hộ gia đình cử ít nhất 01 thành viên gia đình đại diện tham dự họp): 0,5				

	Các thôn/tổ dân phố không tổ chức họp hoặc Có tổ chức họp nhưng dưới 100% hoặc 100% thôn/tổ dân phố có tổ chức họp nhưng trong đó: có dưới 50% hộ gia đình có tên trong Danh sách hộ gia đình cần rà soát hoặc dưới 10% hộ gia đình khác trên địa bàn cấp xã tham dự họp (Mỗi hộ gia đình cử ít nhất 01 thành viên gia đình đại diện tham dự họp): 0				
2.2.3	Thực hiện niêm yết, thông báo công khai danh sách hộ nghèo	1.00			Biên bản hoặc Thông báo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo được niêm yết công khai tại Nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua Đài truyền thanh cấp xã (nếu có)
	Có thực hiện niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đúng quy định (về thời gian, nội dung niêm yết/thông báo): 1				
	Có thực hiện niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng có nội dung chưa bảo đảm đúng quy định (về thời gian, nội dung niêm yết/thông báo): 0,5				
	Không thực hiện hoặc Có thực hiện niêm yết, thông báo công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo nhưng không đúng quy định (về thời gian, nội dung niêm yết/thông báo): 0				
2.3	***Công khai ngân sách xã và các hoạt động tài chính khác ở xã, phường theo quy định tại Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính***	***2.00***			Các quyết định công khai; Hình ảnh niêm yết hoặc CD phát trên hệ thống truyền thanh của xã; Văn bản thông báo cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn ở xã và tổ dân phố ở phường
	Công khai đầy đủ các nội dung: 2				
	Đã công khai nhưng chưa đầy đủ các nội dung: 1				
	Không công khai: 0				
2.4	***Công khai minh bạch Quy hoạch/kế hoạch sử dụng đất, phương án bồi thường giải phóng mặt bằng***	***2.00***			
	Chỉ đạo và thực hiện công bố công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp xã tại trụ sở cơ quan UBND cấp xã, trên cổng thông tin điện tử của UBND cấp xã: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh, đường link; tài liệu khác (nếu có)
	Chỉ đạo và thực hiện niêm yết công khai quyết định phê duyệt phương				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh, đường link; tài liệu khác (nếu

	án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi khi thực hiện các dự án thu hồi đất tại địa phương: 0.5				có)
	Các xã, phường sử dụng các phương tiện truyền thông để thông tin quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư tại Ủy ban nhân dân cấp xã và địa điểm sinh hoạt chung của khu dân cư nơi có đất thu hồi khi thực hiện các dự án thu hồi đất tại địa phương: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh, tài liệu khác (nếu có)
	Kịp thời cập nhật, công khai khi có sự điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh, tài liệu khác (nếu có)
3	**Trách nhiệm giải trình với người dân**	**6.00**			
3.1	***Ban hành quy chế hoạt động, công khai nội quy, lịch tiếp công dân tại Trụ sở Tiếp công dân, trên Trang Thông tin điện tử của địa phương***	***2.00***			Văn bản ban hành, hình ảnh, đường link,...
	Có ban hành, công khai: 2				
	Không ban hành, công khai: 0				
3.2	***Thực hiện tổ chức tiếp công dân theo quy định***	***2.00***			Các văn bản quy định, hình ảnh,…
	Có thực hiện: 2				
	Không thực hiện: 0				
3.3	***Tỷ lệ người dân đã được giải quyết kiến nghị, tố cáo, khiếu nại đúng quy định***	***2.00***			Báo cáo kết quả công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo
	Từ 90% đến 100%: 2				
	Từ 50% đến dưới 90%: 1				
	Dưới 50%: 0				
4	**Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công**	**5.00**			
4.1	***Kiểm soát tham nhũng trong chính quyền***	***2.00***			
4.1.1	Thực hiện công khai ngân sách	1.50			Quyết định, biểu mẫu
	Công khai dự toán ngân sách đúng quy định: 0.5				
	Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đúng quy định: 0.5				
	Công khai quyết toán ngân sách nhà nước đúng quy định: 0.5				

4.1.2	Niêm yết công khai Bảng mức phí, lệ phí các khoản dịch vụ do cơ quan thuộc thẩm quyền cung ứng dịch vụ công	0.50			Hình ảnh niêm yết, địa chỉ đường link
	Có niêm yết: 0.5				
	Không niêm yết: 0				
4.2	***Kiểm soát tham nhũng trong cung ứng dịch vụ công***	***1.50***			
4.2.1	Ban hành các văn bản nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, giám sát việc thực hiện giá dịch vụ y tế	0.50			Các văn bản triển khai, thực hiện
	Có ban hành, thực hiện: 0.5				
	Không ban hành, thực hiện: 0				
4.2.2	Ban hành các văn bản nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục, giám sát việc thực hiện quản lý thu, chi, sử dụng các nguồn kinh phí tại các cơ sở giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý	1.00			Các văn bản triển khai, thực hiện
	Có ban hành, thực hiện: 1				
	Không ban hành, thực hiện: 0				
4.3	***Quyết tâm chống tham nhũng***	***1.50***			
4.3.1	Các biện pháp tuyên truyền về pháp luật phòng chống tham nhũng	1.00			Các văn bản triển khai, liên quan
	Ban hành các văn bản tuyên truyền các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng: 0.5				
	Tổ chức Hội nghị, cuộc thi tìm hiểu về công tác phòng chống tham nhũng: 0.5				
	Không ban hành và không tổ chức: 0				
4.3.2	Số cán bộ, công chức, viên chức bị xử lý kỷ luật hành chính về hành vi tham nhũng	0.50			Báo cáo đánh giá chất lượng cán bộ, công chức cuối năm; Báo cáo kết quả công tác thanh tra
	Không có trường hợp bị xử lý: 0.5				
	Có trường hợp bị xử lý: 0				
5	**Thủ tục hành chính công**	**6.00**			Kết quả Thủ tục hành chính công lấy từ kết quả đánh giá lĩnh vực Thủ tục hành chính trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính do UBND tỉnh quy định
6	**Cung ứng dịch vụ công**	**11.00**			
6.1	***Dịch vụ y tế công lập***	***2.00***			
6.1.1	Phối hợp với các tổ chức chính trị xã hội ở cấp xã và Trưởng thôn, Tổ trưởng tổ dân phố trong việc tổ chức	0.25			Các văn bản phối hợp triển khai, tài liệu kiểm chứng khác

	triển khai thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân trên địa bàn.				
	Có thực hiện: 0.25				
	Không thực hiện: 0				
6.1.2	Tổ chức thực hiện cung cấp các thông tin liên quan đến bệnh, dịch; tiêm chủng; các vấn đề có nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng và tuyên truyền biện pháp phòng, chống	0.25			Các văn bản triển khai
	Có thực hiện: 0.25				
	Không thực hiện: 0				
6.1.3	Kiểm tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định của pháp luật, các quy định chuyên môn, quy chuẩn kỹ thuật về lĩnh vực y tế đối với tổ chức, cá nhân, an toàn thực phẩm trên địa bàn xã	0.50			Kế hoạch, Báo cáo, biên bản,…
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
6.1.4	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về lợi ích của Bảo hiểm y tế	0.50			Kế hoạch văn bản hướng dẫn chỉ đạo công tác tổ chức tập huấn, tuyên truyền
	Có thực hiện: 0.5				
	Không thực hiện: 0				
6.1.5	Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế	0.50			Kế hoạch được giao hàng năm
	Từ 90% trở lên: 0.5				
	Đạt tỷ lệ dưới 90%: 0				
6.2	***Dịch vụ giáo dục công lập***	**2.00**			
6.2.1	Xây dựng trường học an toàn, lành mạnh, thân thiện, không bạo lực, không lạm thu, đặc biệt quan tâm vệ sinh an toàn thực phẩm trong bữa ăn của học sinh bán trú	0.50			Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo kết quả triển khai…
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
6.2.2	Thực hiện công tác phổ cập giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở	0.50			Các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, rà soát, báo cáo,…
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
6.2.3	Huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở (Chính sách để thu hút nguồn lực đối với giáo dục mầm non, tiểu học, trung học cơ sở; quản lý việc thực hiện xã hội hóa	0.50			Các văn bản triển khai, hướng dẫn, báo cáo đơn vị căn cứ các văn bản hiện hành

	giáo dục trong các trường)				
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
6.2.4	Bồi dưỡng đạo đức, tác phong của đội ngũ quản lý, giáo viên trong nhà trường	0.25			Các văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện
	Có triển khai: 0.25				
	Không triển khai: 0				
6.2.5	Thực hiện công khai đối với cơ sở giáo dục tiểu học theo Quy định tại Thông tư số 09/2024/TT-BGDDT	0.25			Kế hoạch, các văn bản triển khai
6.3	***Cơ sở hạ tầng căn bản***	***4.50***			
6.3.1	Ban hành chương trình, kế hoạch đầu tư phát triển giao thông nông thôn trung hạn và dài hạn, hàng năm theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền	0.50			Chương trình, kế hoạch của địa phương
	Có ban hành: 0.5				
	Không ban hành: 0				
	(Trường hợp trong kỳ đánh giá không phát sinh nhiệm vụ thì được 0.5 điểm)				
6.3.2	Triển khai các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ trong lĩnh vực phát triển giao thông nông thôn trên địa bàn được giao quản lý	0.50			Văn bản triển khai của địa phương
	Có ban hành: 0.5				
	Không ban hành: 0				
6.3.3	Triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội để đầu tư phát triển giao thông nông thôn	1.00			Văn bản triển khai, báo cáo số liệu tham gia của người dân
	Có triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội tham gia: 1				
	Có triển khai các hoạt động vận động nhưng không thu hút, huy động được các nguồn lực xã hội tham gia: 0.25				
	Không triển khai các hoạt động vận động, thu hút, huy động các nguồn lực: 0				
6.3.4	Hệ thống giao thông trên địa bàn xã được bảo trì hàng năm	0.50			Báo cáo chi tiết từng tuyến
	Đạt từ 90% trở lên: 0.5				
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.25				
	Dưới 80%: 0				
6.3.5	Tỷ lệ km đường xã đạt chuẩn theo	0.50			Báo cáo chi tiết từng tuyến

	quy hoạch				
	Đạt từ 90% trở lên: 0.5				
	Đạt dưới 90%: 0.25				
6.3.6	Tỷ lệ km đường xã được trồng cây xanh dọc tuyến đường	0.50			
	Đạt từ 50% trở lên: 0.5				Báo cáo chi tiết từng tuyến
	Từ 30% dưới 50%: 0.25				
	Dưới 30%: 0				
6.3.7	Tỷ lệ hộ gia đình nông thôn được sử dụng nước sạch theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN là nguồn nước ăn uống chính	0.50			Báo cáo 06 tháng, báo cáo tổng kết hàng năm Chương trình cấp nước sạch tỉnh Hưng Yên
	Đạt từ 90% trở lên: 0.5				
	Từ 80% đến dưới 90%: 0.25				
	Dưới 80%: 0				
6.3.8	Phổ biến, tuyên truyền về tài nguyên nước nhằm nâng cao nhận thức về bảo vệ tài nguyên nước, khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả	0.50			Các văn bản triển khai, hình ảnh,…
	Có triển khai: 0.5				
	Không triển khai: 0				
6.4	***An ninh, trật tự khu dân cư***	***2.50***			
6.4.1	Trên địa bàn để xảy ra tình trạng khiếu kiện phức tạp	0.25			Báo cáo của UBND cấp xã và báo cáo kết quả đảm bảo an ninh trật tự của Công an tỉnh
	Không có: 0.25				
	Có xảy ra: 0				
6.4.2	Phát sinh tội phạm có tổ chức, hình thành các điểm phức tạp về trật tự	0.25			Báo cáo của UBND cấp xã và báo cáo kết quả đảm bảo an ninh trật tự của Công an tỉnh
	Không phát sinh tội phạm có tổ chức hoặc địa điểm phức tạp về trật tự: 0.25				
	Có phát sinh tội phạm có tổ chức hoặc địa điểm phức tạp về trật tự: 0				
6.4.3	Số vụ phạm pháp hình sự xảy ra trên địa bàn	0.25			Báo cáo của UBND cấp xã và báo cáo kết quả đảm bảo an ninh trật tự của Công an tỉnh
	Giảm so với năm trước liền kề: 0.25				
	Không giảm so với năm trước liền kề: 0				
6.4.4	Tỷ lệ điều tra khám phá án, tỷ lệ điều tra án nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng	0.50			Báo cáo của UBND cấp xã và báo cáo kết quả đảm bảo an ninh trật tự của Công an tỉnh
	Đạt 100% chỉ tiêu đề ra: 0.5				
	Đạt từ 80 đến dưới 100% chỉ tiêu đề ra: 0.25				

	Đạt dưới 80% chỉ tiêu đề ra: 0				
6.4.5	Thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự an toàn giao thông *(so với năm trước liền kề)*	1.00			Báo cáo của UBND cấp xã và báo cáo kết quả đảm bảo an ninh trật tự của Công an tỉnh
	Giảm 3 tiêu chí: 1				
	Giảm 2 tiêu chí: 0.5				
	Giảm 1 tiêu chí: 0.25				
	Không giảm tiêu chí nào: 0				
6.4.6	Công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ	0.25			Báo cáo của UBND cấp xã và báo cáo kết quả đảm bảo an ninh trật tự của Công an tỉnh
	Không có vụ cháy nổ gây thiệt hại nghiêm trọng: 0.25				
	Để xảy ra cháy nổ gây thiệt hại nghiêm trọng: 0				
7	**Quản trị môi trường**	**5.50**			
7.1	***Quán triệt, triển khai các nhiệm vụ về bảo vệ mội trường tại địa phương***	***1.00***			Các văn bản chỉ đạo, chương trình, kế hoạch, đề án về bảo vệ môi trường, triển khai các văn bản của trung ương, của tỉnh về bảo vệ môi trường
	Có triển khai thực hiện: 1				
	Không triển khai thực hiện: 0				
7.2	***Tuyên truyền về bảo vệ môi trường***	***2.00***			
	Tổ chức tuyên truyền, tập huấn về bảo vệ môi trường, phân loại, xử lý rác thải hữu cơ tại hộ gia đình, chống rác thải nhựa; tuyên truyền về bảo vệ môi trường trên hệ thống phát thanh, pano tuyên truyền, các hình thức khác; xây dựng, triển khai, nhân rộng các mô hình bảo vệ môi trường hiệu quả tại địa phương: 1				Các văn bản kiểm chứng về việc tổ chức tập huấn tuyên truyền
	Ra quân dọn vệ sinh môi trường, thu gom rác thải khu dân cư, nơi công cộng (định kỳ hàng tuần/tháng): 1				Có văn bản và tài liệu kiểm chứng khác
7.3	***Việc thu, thoát nước thải; thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt***	***2.50***			
	Khu dân cư có hệ thống thu gom, thoát nước thải bảo đảm tiêu thoát nước tốt, không ứ đọng nước thải ô nhiễm môi trường; các rãnh thu thoát nước qua khu dân cư có nắp đậy, hố gas: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
	Bãi chôn lấp rác thải, điểm tập kết rác thải bảo đảm vệ sinh đáp ứng yêu cầu kỹ thuật và hợp vệ sinh: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)

	Thành lập tổ vệ sinh môi trường, hợp tác xã dịch vụ môi trường hoặc tổ chức thu gom, vận chuyển rác thải tại 100% số thôn, khu dân cư: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
	Không có rác thải tồn đọng, vứt rác thải bừa bãi tại khu dân cư, đường làng, ngõ xóm, đường ra đồng, sông, kênh, mương, khu vực công cộng; không có tình trạng đốt rác thải gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
	Có bố trí ngân sách địa phương cho công tác thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn; thu phí, giá thu gom, vận chuyển rác thải của người dân, tổ chức đạt trên 90%: 0.5				Văn bản chỉ đạo, hình ảnh kèm theo và các tài liệu khác (nếu có)
8	**Quản trị điện tử**	**5.00**			Kết quả Quản trị điện tử lấy từ kết quả đánh giá lĩnh vực Xây dựng và thực hiện chính quyền điện tử và chính quyền số trong Bộ Chỉ số cải cách hành chính do UBND tỉnh quy định
III	**Ý kiến phản ánh của cơ quan truyền thông đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công**	**10.00**			Bài đăng, hình ảnh, đường link
	Không có ý kiến phản ánh: 10				
	Có từ 1 đến 5 ý kiến phản ánh đối với lĩnh vực được giao triển khai thực hiện: 5				
	Có trên 5 ý kiến phản ánh đối với lĩnh vực được giao triển khai thực hiện: 0				
IV	**Đánh giá mức độ hài lòng của người dân đối với công tác nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công trên địa bàn cấp xã**	**30.00**			Nội dung đánh giá qua phiếu khảo sát trực tiếp
	TỔNG ĐIỂM:	**100.00**			